

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ - ST
Ngày 03/5/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiền
2. Bà Cao Thị Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: SN 262, Tổ 13, phường C, thành phố K, tỉnh K

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Nam Đ, xã C, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị L, anh T. Chị L, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố K, tỉnh K vào ngày 18/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hoà thuận. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, kinh tế khó khăn. Từ năm 2019 anh T về thôn Nam Đ, xã C, huyện ĐH, tỉnh TB

sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2018. Hiện anh T đang trực tiếp nuôi con chung. Ly hôn, chị nhường quyền nuôi con Bùi Thị Kim N cho anh T, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn T là bị đơn khai: Anh và chị Phan Thị L kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố K, tỉnh K vào ngày 18/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hoà thuận. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị L xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Bùi Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2018. Hiện anh đang trực tiếp nuôi con chung. Ly hôn, anh xin được nuôi con Bùi Thị Kim N và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Phan Thị L, bị đơn anh Bùi Văn T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L: Xử cho chị L được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Đề nghị xử giao con chung Bùi Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản chung, chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị L và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn T có nơi thường trú tại xã C, huyện DH, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Chị L và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị L và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh T do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố K, tỉnh K vào ngày 18/5/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị L xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị L và anh T sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Bùi Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2018. Hiện anh T đang trực tiếp nuôi con chung. Ly hôn, chị L và anh T thống nhất anh T được trực tiếp nuôi con chung Bùi Thị Kim N. Xét thấy, anh T hiện đang nuôi con chung Bùi Thị Kim N. Vì vậy, cần giao con Bùi Thị Kim N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh là do tự nguyện nên cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị L và anh T.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Bùi Thị Kim N, sinh ngày 18/12/2018 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên

có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003136 ngày 13/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND p.C, thành phố K, tỉnh K;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Lan Phương